

Bản án số: 810/2022/HC-PT

Ngày: 26 - 9 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiều nại trong lĩnh vực quản lý đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 313/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 14/2022/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1464/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Phạm Đình T, sinh năm 1966 (có mặt)

2. Bà Thái Thị D, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Minh H, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số 66 N, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;

2. Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Thanh S – Phó chủ tịch (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Văn P - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố P (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T1 (có mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã T2, thành phố P (xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Phạm Đình T, bà Thái Thị D.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2021, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 11/12/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 3145/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất tổng thể xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường 706B (giai đoạn 2) tại xã T2, phường H, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Để thực hiện quyết định trên, ngày 28/12/2007, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 9934/QĐ-UBND thu hồi 15.013m² của hộ ông Phạm Đình T. Ngày 20/01/2014, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho hộ ông Phạm Đình T dự án xây dựng đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT706B, số 100/QĐ-UBND với nội dung: Với giá trị là không đồng không bồi thường về đất và cây cối hoa màu trên đất. Quyết định này ông T không được nhận.

Ngày 14/8/2018, ông T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án bồi thường. Tại phiên họp kiểm tra, giao nộp chứng cứ đại diện Ủy ban nhân dân thành phố P cung cấp Quyết định số 100/QĐ-UBND với nội dung: Với giá trị là không đồng không bồi thường về đất và cây cối hoa màu trên đất. Ông T đã rút đơn khởi kiện thực hiện việc khiếu nại.

Ngày 07/3/2019, ông Phạm Đình T khiếu nại Ủy ban nhân dân thành phố P. Ngày 28/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 4666/QĐ-UBND về việc bác đơn khiếu nại bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T.

Ông T cho rằng quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có nội dung trái pháp luật, bởi lẽ:

Về nguồn gốc đất bị thu hồi là do bà Võ Thị L khai hoang làm rẫy vào thời điểm năm 1989, sử dụng đến ngày 22/6/2006 chuyển nhượng lại cho ông T tiếp tục sử dụng cho đến nay không có tranh chấp.

Căn cứ tại mục 2.3, phần 2 Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 nêu tại khoản 6 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP: “Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP nhưng đất được sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993, không phân biệt người sử dụng đất đó là người sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 hay người sử dụng đất sau ngày 15/10/1993 nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không tranh chấp khi thu hồi được bồi thường.

Ông cho rằng đất ông bị thu hồi đã sử dụng ổn định trước năm 1990 không tranh chấp và ông là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Do vậy, ông Phạm Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình T

- Hủy Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Phạm Đình T - bà Thái Thị D dự án Xây dựng công trình đường và quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi hành chính phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Phạm Đình T đối với diện tích bị thu hồi.

Người bị kiện Chủ tịch, Ủy ban nhân dân thành phố P có văn bản số 2568/UBND-TH ngày 14/5/2021 thể hiện:

Về hình thức thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

Trên cơ sở dự án Xây dựng công trình đường và quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất. Thẩm quyền thu hồi đất và ban hành các quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền. Do ông Phạm Đình T khiếu nại quyết định hành chính số 100/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm Đình T là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

Về nội dung các Quyết định hành chính bị kiện:

Trên cơ sở kết quả xét tính pháp lý đất đai của xã T2, ngày 26/12/2012, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư thành phố P kết luận: Đất không đủ điều kiện bồi thường theo khoản 2 Điều 10 Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận vì theo xác nhận của xã Tiến Thành kết luận hộ ông Phạm Đình T trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng căn cứ khoản 6 Điều 1 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận thì ông T không đảm bảo đủ điều kiện bồi thường. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Phạm Đình T - bà Thái Thị D dự án Xây dựng công trình đường và quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B với giá trị không đồng là có căn cứ pháp luật.

Ông Phạm Đình T có đơn (đề ngày 07/3/2019) khiếu nại Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê

duyet phương án bồi thường cho hộ ông Phạm Đình T - bà Thái Thị D dự án Xây dựng công trình đường và quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B với giá trị không đồng. Ngày 08/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành thông báo số 327/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu theo đơn khiếu nại của ông Phạm Đình T.

Ngày 28/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm Đình T trú tại thôn T, xã T, thành phố P (lần đầu) theo đó đã giải quyết chấp nhận hỗ trợ về đất không chấp nhận bồi thường về đất theo quy định tại Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ là có căn cứ pháp luật.

Chủ tịch, Ủy ban nhân dân thành phố P không chấp nhận yêu cầu hủy các Quyết định hành chính trên của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận trình bày:

Thông nhất với Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình T (lần đầu). Thông nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố P, đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T2 trình bày: Hộ ông Phạm Đình T bị thu hồi thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, diện tích 15.013m² đất cây lâu năm.

Ngày 29/4/2009, Hội đồng tư vấn xác định nguồn gốc đất của xã họp kết luận: Nguồn gốc thửa đất do hộ bà Võ Thị L khai hoang làm rẫy vào thời điểm năm 2000, sử dụng đến ngày 22/6/2006 chuyển nhượng lại cho ông T tiếp tục sử dụng cho đến nay, không có tranh chấp.

Năm 2012 theo yêu cầu của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P ông Phạm Đình T và bà Võ Thị L có tờ trình bày và cam đoan về nguồn gốc đất.

Ngày 09/6/2012, Hội đồng tư vấn xác định nguồn gốc của xã họp lại và kết luận: Nguồn gốc thửa đất do hộ bà Võ Thị L khai hoang làm rẫy vào thời điểm năm 1989, canh tác đến năm 2006 chuyển nhượng lại cho ông T tiếp tục sử dụng cho đến nay, không có tranh chấp.

Thông nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố P, đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 14/2022/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T, bà Thái Thị D về việc yêu cầu:

Hủy một phần Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Phạm Đình T.

Hủy Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Phạm Đình T - bà Thái Thị D dự án Xây dựng công trình đường và quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi hành chính phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Phạm Đình T đối với diện tích bị thu hồi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 01/4/2022 người khởi kiện ông Phạm Đình T, bà Thái Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 13/4/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận có Quyết định số 09/QĐ-VKS-HC kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phạm Đình T, bà Thái Thị D (có bà Phạm Thị Minh H là đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có ông Lê Thanh S đại diện theo ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố P cho rằng hộ ông T không sản xuất nông nghiệp nên không bồi thường. Sau khi ông T có khiếu nại thì Ủy ban nhân dân xác nhận ông T có sản xuất nông nghiệp nhưng sau ngày 01/7/2004 nên chỉ hỗ trợ. Tuy nhiên giữa ông T và bà L (chủ đất cũ) không có tranh chấp. Căn cứ quy định pháp luật thì việc mua bán bằng giấy tay trước năm 1993 được Nhà nước công nhận nếu sử dụng đất ổn định liên tục, không tranh chấp thì đương nhiên được bồi thường khi thu hồi đất.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Căn cứ vào cơ sở pháp lý theo kết luận của Hội đồng bồi thường thì hộ ông T trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nhưng căn cứ khoản 6 Điều 1 Quyết định 10/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh thì ông T không đủ điều kiện được bồi thường. Vì theo Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Điều 6 Quyết định 08/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì người bị kiện ban hành Quyết định 100/QĐ-UBND là có căn cứ. Đối với Quyết định 4666/QĐ-UBND thì Ủy

ban nhân dân đã tính hỗ trợ cho ông T theo kết quả xác minh nguồn gốc đất của bà L, cây trồng trên đất là do bà L trồng, sau đó chuyển nhượng cho ông T bằng giấy tay. Bà L và ông T không có tranh chấp. Hộ ông T không có hộ khẩu thường trú tại đất bị thu hồi và sử dụng sau 01/7/2004 nên không được bồi thường, chỉ được hỗ trợ là đúng theo quy định. Trường hợp của ông T không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định 84/2007/NĐ-CP nên không đủ điều kiện được bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của của Luật tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung: Năm 2006 ông T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay của bà L. Theo kết quả xác minh nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân xã T2 thì đất nhận chuyển nhượng, ông T sử dụng ổn định không tranh chấp. Căn cứ quy định pháp luật thì hộ ông T đủ điều kiện bồi thường khi thu hồi đất, nên quyết định của người bị kiện là không đúng. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 28/12/2007, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 9934/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 15.013m² của hộ ông Phạm Đình T. Ngày 20/01/2014, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho hộ ông Phạm Đình T dự án xây dựng đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT706B có nội dung: “Với giá trị là không đồng không bồi thường về đất và cây cối hoa màu trên đất”. Sau khi ông T khiếu nại, ngày 28/9/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4666/QĐ-UBND bác yêu cầu khiếu nại bồi thường về đất. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/01/2014, Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 và buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi hành chính phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông T đối với diện tích bị thu hồi.

[2] Bản án sơ thẩm nhận định:

Nguồn gốc phần đất là do ông T nhận chuyển nhượng bằng giấy tay từ bà Võ Thị L vào năm 2006. Thời điểm nhận chuyển nhượng sau ngày 01/7/2004, ông T bà D không có hộ khẩu tại nơi có đất nên không đủ điều kiện bồi thường theo

quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quyết định 959/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận. Khi nhận chuyển nhượng thì trên đất đã có cây cối hoa màu như điều, bạch đàn, do vậy Quyết định 4666/QĐ-UBND đã chấp nhận khiếu nại của hộ ông T đối với các nội dung hỗ trợ về tài sản là cây cối, hoa màu trên đất là có căn cứ. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Phần đất có diện tích 15.031m² bị thu hồi theo Quyết định số 9934/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố P, có nguồn gốc do bà Võ Thị L khai hoang trước năm 1990 và canh tác ổn định, đến ngày 27/6/2006 bà L chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Phạm Đình T (bằng giấy tay). Hộ ông T tiếp tục sử dụng ổn định (trồng điều và bạch đàn), không tranh chấp từ khi nhận chuyển nhượng đến khi đất bị thu hồi, được Ủy ban nhân dân xã T2 và Ủy ban nhân dân xã Tiến Thành xác nhận là hộ trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp.

Căn cứ quy định tại Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Điều 6 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và quy trình phối hợp với chủ đầu tư trong việc thỏa thuận với người sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận), thì bà L (người sang nhượng lại quyền sử dụng đất cho ông T, bà D) đủ điều kiện bồi thường khi thu hồi đất khi sử dụng đất trước 15/10/1993, sử dụng ổn định và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất không có tranh chấp. Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bà L xác định toàn bộ nội dung sự việc ông T, bà D khai là đúng, và không có khiếu nại tranh chấp gì với ông T.

Mặc dù giao dịch giữa ông T và bà L là bằng giấy tay là không đúng hình thức, nhưng giữa ông T và bà L không có tranh chấp về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do vậy, hộ ông T là người được kế thừa quyền sử dụng phần đất trên từ bà L, nên đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Điều 6 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và quy trình phối hợp với chủ đầu tư trong việc thỏa thuận với người sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận). Ủy ban nhân dân thành phố P không bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không chấp nhận khiếu nại của ông T là không đúng quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà D gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, chấp nhận nội dung quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Bình Thuận và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[4] Án phí:

Do yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Phạm Đình T, bà Thái Thị D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

I/Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-VKS-HC ngày 13/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Đình T, bà Thái Thị D; Sửa bản án hành chính sơ thẩm 14/2022/HC-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T, bà Thái Thị D;

Hủy Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Phạm Đình T - bà Thái Thị D dự án Xây dựng công trình đường và quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B.

Hủy Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Phạm Đình T.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi hành chính phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Phạm Đình T đối với diện tích bị thu hồi.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Phạm Đình T, bà Thái Thị D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả cho đương sự 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 007382 ngày 18/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

II/Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Đình T, bà Thái Thị D không phải chịu; Hoàn trả cho đương sự 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008214 ngày 06/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- NKK (2);
- NBK (2);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 21b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên